TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN Đ - TỈNH GIA LAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2018/HNGĐ-ST
Ngày 28/3/2018
"V/v: *Ly hôn và tranh chấp nuôi con"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ - TỈNH GIA LAI
Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Ngọc Bình.
Hội thẩm nhân dân: 1. Lê Đình Quang
2. Bà Nguyễn Thị Hồng Vân.
Thư ký phiên tòa: Bà Hồ Thị Ngọc Mai - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đak Pơ, tỉnh Gia Lai.
Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đak Pơ, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Ông Phạm Hồng Phong - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 3 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Đ, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 43/2017/TLST-HNGĐ ngày 16/10/2017 về việc " Ly hôn và tranh chấp nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2018/ QĐST-HNGĐ ngày 07 tháng 3 năm 2018.

1. Nguyên đơn: Chị Đỗ Thị L, sinh năm 1984; địa chỉ cư trú: thôn T, xã T, huyện Đ, tỉnh Gia Lai. Có mặt tại phiên tòa.

2. Bị đơn: Anh Trần Minh T, sinh năm 1980; địa chỉ cư trú: thôn T, xã T, huyện Đ, tỉnh Gia Lai . Có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 10/10/2017, bản tự khai ngày 16/10/2017 và tại phiên tòa chị Đỗ Thị L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Giữa chị L và anh Trần Minh T là vợ chồng có đăng ký kết hôn vào năm 2012 tại UBND xã T, huyện Đ, tỉnh Gia Lai. Trong cuộc sống giữa hai vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, anh T chửi bới đánh đập vợ con, gia đình không hòa thuận. Nay chị L cho rằng không còn tình cảm vợ chồng với anh T nữa nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T.

Về con chung: Giữa chị L và anh T có 01 người con chung là cháu Trần Đỗ Duy U, sinh ngày: 25/6/2012. Sau khi ly hôn chị L có nguyện vọng nuôi con chung và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Khai không có nên không yêu cầu giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 28/11/2017 anh Trần Minh T trình bày: Trong cuộc sống giữa hai vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, tính tình không hợp nên anh đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị L.

Về con chung: Giữa anh T và chị L có 01 người con chung là cháu Trần Đỗ Duy U, sinh ngày: 25/6/2012. Sau khi ly hôn anh T có nguyện vọng được nuôi con chung và không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Khai không có nên không yêu cầu giải quyết.

Tại biên bản hòa giải ngày 13/12/2017 giữa các bên đương sự thống nhất và không thống nhất được những vấn đề cần giải quyết trong vụ án như sau:

Về hôn nhân anh T và chị L thuận tình ly hôn. Về tài sản chung các bên đương sự tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung khai không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Giữa chị L và anh T không thống nhất được với nhau về việc nuôi con chung sau khi ly hôn.

Tại phiên tòa anh T trình bày hiện tại không còn tình cảm vợ chồng với chị L nữa nên đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị L. Về con chung anh đồng ý để chị L tiếp tục nuôi con chung.

Ý kiến của kiểm sát viên tại phiên tòa: Trong quá trình giải quyết vụ án những người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Đề nghị Tòa án áp dụng khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 55; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình để giải quyết vụ án.

Về quan hệ hôn nhân: Ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Đỗ Thị L và anh Trần Minh T.

Về con chung: Ghi nhận sự thỏa thuận giữa các bên về việc nuôi con chung. Giao cháu Trần Đỗ Duy U, sinh ngày: 25/6/2012, cho chị Đỗ Thị L trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con thành niên, con đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

Anh Trần Minh T không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

Về án phí: Buộc chị Đỗ Thị L phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm mà chị L đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về thủ tục tố tụng: Chị Đỗ Thị L có đơn yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Gia Lai giải quyết ly hôn và tranh chấp nuôi con chung đối với anh Trần Minh T. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Gia Lai.

2. Về quan hệ hôn nhân: Chị L và anh T là vợ chồng có đăng ký kết hôn vào năm 2012 tại UBND xã T, huyện Đ, tỉnh Gia Lai. Trong cuộc sống giữa hai vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, không hòa thuận. Hiện tại chị L xét thấy không còn tình cảm vợ chồng với anh T nữa nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T. Xét thấy, đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp nhưng hiện tại tình cảm vợ chồng giữa chị L và anh T không còn, các bên không chăm lo hạnh phúc, không chăm lo con chung, không còn tôn trọng lẫn nhau, đời sống vợ chồng không thể kéo dài và mục đích hôn nhân không đạt được. Tại phiên tòa các bên thuận tình ly hôn nên căn cứ vào Điều 55 của Luật hôn nhân và gia đình ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị L và anh T.

3. Về con chung: Giữa chị L và anh T có 01 người con chung là cháu Trần Đỗ Duy U, sinh ngày: 25/6/2012. Hiện tại cháu U đang được chị L trực tiếp nuôi dưỡng. Tại phiên tòa giữa các bên thống nhất giao con chung cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng. Vì vậy, ghi nhận sự thỏa thuận giữa các bên và giao cháu Trần Đỗ Duy U cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con thành niên, con đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

Anh Trần Minh T không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

4. Về tài sản chung: Các bên tự thỏa thuận nên không yêu cầu giải quyết, Về nợ chung: Các bên khai không có nên không yêu cầu giải quyết.

5. Về án phí: Chị Đỗ Thị L phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 55; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình.

Áp dụng Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội ngày 30/12/2016, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về Hôn nhân: Ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Đỗ Thị L và anh Trần Minh T.

2. Về con chung: Giao con chung là cháu Trần Đỗ Duy U, sinh ngày: 25/6/2012, cho chị Đỗ Thị L trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con thành niên, con đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

Anh Trần Minh T không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

Người không trực tiếp nuôi con, có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi. Có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không

ai được cản trở. Nếu lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Người trực tiếp nuôi con, có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con thực hiện các nghĩa vụ của họ. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc,nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, đương sự có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Khai không có nên không yêu cầu giải quyết.

4. Về án phí: Buộc chị Đỗ Thị L phải chịu 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) mà chị L đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0004208 ngày 13/10/2016 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Gia Lai.

5. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án là ngày 28/3/2018, để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND huyện Đ;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

(Đã ký)

Lê Ngọc Bình